

Bản án số 03/2019/HC-PT  
Ngày 30-9-2019  
V/v khiếu kiện quyết định hành chính

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân  
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích  
Bà Trịnh Cẩm Vân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Minh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 04/2019/TLPT-HC ngày 09 tháng 8 năm 2019 về khiếu kiện quyết định hành chính.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 01/2019/HC-ST ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 12/2019/QĐPT-HC ngày 16 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. **Người khởi kiện:** Ông **Tiêu Văn Đ**, sinh năm 1960 - Chủ doanh nghiệp xây dựng Đ (DNTN). Có mặt.

Địa chỉ: Số nhà 5., đường 3.. thị trấn K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn V - SN 1954, địa chỉ: 1.. N, khu 1, phường T, TP H D, tỉnh Hải Dương (theo giấy ủy quyền ngày 09/9/2019).

2. **Người bị kiện:** **Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ**, huyện K, tỉnh Hải Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Văn S - Phó Chủ tịch (phụ trách) UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương (Có mặt).

3. **Người làm chứng:** Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1964 (Có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 1., ngõ 4., khu L, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

4. Người kháng cáo: Ông Tiêu Văn Đạ, sinh năm 1960 - Chủ doanh nghiệp xây dựng Đ (Có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 5.., đường 3.. thị trấn K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

#### NỘI DUNG VỤ ÁN

**Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện là ông Tiêu Văn Đ - chủ doanh nghiệp xây dựng Đ (DNTN) trình bày:**

Năm 2006, UBND xã Đông Kỳ và ông Tiêu Văn Đ - Chủ doanh nghiệp xây dựng Đ (DNTN) ký hợp đồng số 03/2005/HĐ-KT ngày 20/3/2006, theo đó UBND xã Đ giao cho ông Đ đất bãi sông Thái Bình thuộc xã Đ, với diện tích là 35 mẫu Bắc bộ, loại đất CD/K. Mục đích sử dụng: San gạt cây lúa; nuôi trồng thủy sản và sản xuất gạch bằng lò lung liên tục kiểu đứng công nghệ tiên tiến; khai thác đất làm lò gạch, thời hạn giao đất là 10 năm (từ 20/3/2006 đến hết ngày 20/3/2016). Ông Đ có nghĩa vụ thanh toán cho UBND xã Đ một lần, số tiền là 420.000.000đ (Bốn trăm hai mươi triệu đồng)(đã thanh toán xong). Quá trình thực hiện hợp đồng ông Đ đã khai thác đất làm gạch và mua cát san lấp để làm sân phơi gạch và chân lò. Tháng 9/2009 ông Đ tiếp tục mua 250.000m<sup>3</sup> cát đen, đơn giá 33.000đ/m<sup>3</sup> thành tiền 8.250.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn D để san lấp làm mặt bằng phơi gạch.

Ngày 20/3/2016, ông Đạt và UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương đã ký biên bản số 02/BB-TLHĐ về việc “Thanh lý hợp đồng khai thác đất bãi sông Thái Bình xã Đ quản lý”, theo đó UBND xã đề nghị ông thực hiện việc san gạt, thu dọn tài sản trả lại mặt bằng trên diện tích đất bãi theo các điều khoản trong hợp đồng số 03/2005/HĐ-KT ngày 20/3/2006. Ngày 06/7/2018 và ngày 25/10/2018 đoàn công tác của UBND huyện cùng UBND xã Đ và ông Tiêu Văn Đ tiến hành kiểm đếm tài sản tại bãi sản xuất gạch và có lập biên bản kèm theo. Ngày 21/01/2019 Chủ tịch UBND xã Đ ra Thông báo số 04/TB-UBND về việc cấm khai thác, chõ đất cát trái phép trên bãi sông Thái Bình xã Đ, trong đó có nội dung: "UBND xã nghiêm cấm các chủ thầu đất bên, bãi sông Thái Bình, các chủ lò gạch tự ý tổ chức khai thác đất, cát trên bãi sông Thái Bình (kể cả phần tài sản của chủ lò về đất cát đã được UBND huyện, xã kiểm đếm) khi chưa được cấp có thẩm quyền huyện, tỉnh phê duyệt". Cho rằng Thông báo số 04/TB-UBND ngày 21/01/2019 của Chủ tịch UBND xã Đ xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nên ngày 01/3/2019 ông Tiêu Văn Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Thông báo số 04/TB-UBND ngày 21/01/2019 Chủ tịch UBND xã Đ, huyện K tỉnh Hải Dương.

**Người bị kiện - Chủ tịch UBND xã Đ trình bày:** Ngày 15/12/2018, Chủ tịch UBND huyện K có Văn bản số 891/UBND-VP về việc ngăn chặn, xử lý khai thác đất, cát trái phép trên địa bàn xã Đông Kỳ, huyện K. Căn cứ văn bản trên, ngày 21/01/2019 Chủ tịch UBND xã Đ ra Thông báo số 04/TB-UBND về việc cấm khai

thác, chớ đất cát trái phép trên bãi sông Thái Bình xã Đ gửi ông Tiêu Văn Đ, trong đó có nội dung: “UBND xã nghiêm cấm các chủ thầu đất bến, bãi sông Thái Bình, các chủ lò gạch tự ý tổ chức khai thác đất, cát trên bãi sông Thái Bình (kể cả phần tài sản của chủ lò về đất, cát đã được UBND huyện, xã kiểm đếm), đồng thời nhằm ổn định tình hình nhân dân, khi nhân dân có ý kiến không cho ông Tiêu Văn Đ lấy đất, cát của xã. Từ những căn cứ trên, người bị kiện không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Tiêu Văn Đạt về hủy Thông báo số 04/TB-UBND ngày 21/01/2019.

*Người làm chứng ông Nguyễn Văn D trình bày:* Tháng 9/2009 ông có bán cho ông Tiêu Văn Đ 250.000m<sup>3</sup> cát đen, đơn giá 33.000đ/m<sup>3</sup> thành tiền 8.250.000.000đ để ông Đ san lấp làm bãi sản xuất gạch tại khu bãi ngoài đê sông Thái Bình thuộc xã Đông Kỳ.

*Quan điểm của UBND huyện K* Ngày 05/12/2018, Chủ tịch UBND huyện K đã ban hành Công văn số 891/UBND-VP về việc ngăn chặn, xử lý khai thác đất, cát trái phép trên địa bàn xã Đ. Ngày 21/01/2019, Chủ tịch UBND xã Đ đã có Thông báo số 04/TB-UBND "về cấm khai thác, chớ đất cát trái phép trên bãi sông Thái Bình xã Đông Kỳ"; như vậy Chủ tịch UBND xã Đ đã chấp hành, phục tùng chỉ đạo của cấp có thẩm quyền về công tác quản lý nhà nước của chính quyền địa phương.

UBND xã Đô và ông Tiêu Văn Đ đã ký xác nhận thanh lý hợp đồng kinh tế thầu đất bãi ven sông Thái Bình, UBND xã Đ có trách nhiệm quản lý, sử dụng đất bãi ven sông Thái Bình theo quy định của pháp luật. Việc quản lý nhà nước đối với diện tích đất bãi ven sông Thái Bình thuộc trách nhiệm của xã Đ. Việc khai thác, sử dụng tài nguyên đất và cát ngoài bãi đê sông Thái Bình chỉ được thực hiện khi cấp có thẩm quyền phê duyệt và cấp giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định của Luật đất đai và Luật khoáng sản số 60/2010/QH12; các tổ chức, cá nhân khi khai thác vận chuyển đất và cát trên địa bàn xã Đông Kỳ nói riêng, địa bàn huyện Tứ Kỳ nói chung đều phải thực hiện theo các quy định của pháp luật. Do vậy, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật đảm bảo quyền lợi của người khởi kiện và người bị kiện.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 01/2019/HC-ST ngày 28/6/2019 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án, số 01/2019/QĐ-TA ngày 15/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương đã quyết định: Căn cứ khoản 1, 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 31; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 208 Luật đất đai; Điều 713 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 1, 2 Điều 32 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Tiêu Văn Đ, xử hủy phần nội dung "kể cả phần tài sản của chủ lò về đất cát đã được UBND huyện, xã kiểm đếm" đối với ông Tiêu Văn Đ tại Thông báo số 04/TB-UBND ngày 21/01/2019 của Chủ

tịch UBND xã Đ. Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/7/2019 Chủ tịch UBND xã Đ kháng cáo với nội dung: Việc ra thông báo số 04/TB-UBND ngày 21/1/2019 căn cứ văn bản số 891/UBND-VB ngày 05/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện K là đúng. Chưa có căn cứ chứng minh ông Đ san lấp vào bãi xã Đông Kỳ từ nguồn cát đen mà ông Đ cho rằng mua của ông D 250.000m<sup>3</sup> từ năm 2009, không có căn cứ nào xác định ông Đ đã đổ số cát trên san lấp tại bãi xã Đ, từ đó đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông Đ

Ngày 12/7/2019 Viện trưởng VKSND huyện Tứ Kỳ kháng nghị bản án sơ thẩm với nội dung đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm, sửa bản án hành chính sơ thẩm số 01/2019/HC-ST ngày 28/6/2019 của TAND huyện Tứ Kỳ theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của ông Tiêu Văn Đ vì: Bản án vi phạm nghiêm trọng về việc đánh giá chứng cứ. Tại các biên bản xác minh thể hiện ông Đ chưa thực hiện hết nghĩa vụ san gạt trả lại mặt bằng theo hợp đồng số 03 ngày 20/3/2006, số lượng đất 9848m<sup>2</sup> là do ông Đạt khai thác để sản xuất gạch nhưng chưa được sử dụng, ông Đ có dùng cát san lấp để làm mặt bằng xây dựng lò gạch. Ông Đ sử dụng đất làm gạch nhưng không có giấy phép khai thác đất làm nguyên liệu sản xuất gạch do UBND tỉnh cấp. Ông Đ không thực hiện việc sản xuất gạch thì các nguyên liệu làm gạch muốn được tận thu phải có có quan thẩm quyền cấp giấy phép, theo quy định tại các Điều 36, 67, 68 Luật khoáng sản năm 2010. Ông Đ đang còn đấu thầu trên diện tích đất bãi theo hợp đồng số 02 ngày 08/4/2016 nên không được tự ý khai thác, vận chuyển đất cát đang thuê sử dụng vào mục đích khác. Như vậy, việc Chủ tịch UBND xã Đ ban hành thông báo số 04 ngày 21/1/2019 là đúng. Bản án áp dụng điều luật chưa chính xác, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nhưng áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính, áp dụng khoản 2 Điều 173 của BLDS nhưng không ghi rõ năm nào là chưa đầy đủ.

#### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Người bị kiện giữ nguyên nội dung kháng cáo. Xác định các tài sản đã được UBND huyện K, UBND xã Đ, ông Tiêu Văn Đ kiểm đếm là tài sản của doanh nghiệp xây dựng Đ (DNTN) do ông Đ làm chủ. Tại thông báo số 128/TB-VP ngày 19/8/2019 của UBND tỉnh Hải Dương đã chỉ rõ: Đối với những tài sản trên đất của ông Tiêu Văn Đ như: lò gạch, gạch mộc, nhà xưởng, máy móc thiết bị để sản xuất gạch, nguyên vật liệu dư thừa, nếu ông Tiêu Văn Đ có nhu cầu vận chuyển đi nơi khác thì chính quyền địa phương tạo điều kiện cho ông Đ vận chuyển (có thời hạn cụ thể). Trường hợp ông Tiêu Văn Đ không vận chuyển tài sản trên thì thực hiện theo quyết định giải quyết của Tòa án nhân dân. Như vậy,

UBND xã ra thông báo số 04 có phần không đúng. Đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người khởi kiện, ông Tiêu Văn Đ - Chủ doanh nghiệp xây dựng Đ (DNTN) và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện không chấp nhận nội dung kháng cáo và kháng nghị của Viện trưởng VKSND huyện Tứ Kỳ, đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm của TAND huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Đối với tài sản đã được kiểm đếm và các bên thừa nhận là của ông Tiêu Văn Đ - Chủ doanh nghiệp xây dựng Thành Đ (DNTN) nên ông Đ có quyền sử dụng.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn D khai: Nguồn cát đen san lấp ông mua lại của các chủ tàu, thuyền đi qua khu vực sông Thái Bình, sau đó bán lại cho ông Đ. Bản thân ông không trực tiếp khai thác tại sông Thái Bình. Tháng 9/2009 ông có bán cho ông Tiêu Văn Đ 250.000m<sup>3</sup> cát đen, đơn giá 33.000đ/m<sup>3</sup> thành tiền 8.250.000.000đ để ông Đ san lấp làm bãi sản xuất gạch tại khu bãi ngoài đê sông Thái Bình thuộc xã Đông Kỳ.

- Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án. Về việc giải quyết vụ án. Chấp nhận kháng cáo của người bị kiện. Rút một phần căn cứ kháng nghị của Viện trưởng VKSND huyện Tứ Kỳ về nội dung thông báo liên quan đến phần đất và mục 2. Áp dụng điều luật chưa chính xác. Đề nghị sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2019/HC-ST ngày 28/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Tiêu Văn Đ. Ông Đ phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của người bị kiện trong thời hạn luật định, nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đầy đủ và đúng thời hạn; kháng nghị của Viện trưởng VKSND huyện Tứ Kỳ đúng thời hạn, theo các quy định tại Điều 206, Điều 209 và 213 của Luật Tố tụng hành chính nên kháng cáo, kháng nghị là hợp lệ.

[2] Xét kháng cáo của người bị kiện và kháng nghị của Viện trưởng VKSND huyện Tứ Kỳ, HĐXX xét thấy:

[2.1] Về tính hợp pháp của Thông báo số 04/TB-UBND ngày 21/01/2019 của Chủ tịch UBND xã Đ:

[2.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành thông báo số 04/TB-UBND ngày 21/01/2019. Căn cứ công văn số 891/UBND-VP ngày 05/12/2018 của Chủ tịch

UBND huyện K về việc ngăn chặn, xử lý khai thác đất, cát trái phép trên địa bàn xã Đ. Ngày 21/01/2019, Chủ tịch UBND xã Đ đã có Thông báo số 04/TB-UBND "về cấm khai thác, chở đất cát trái phép trên bãi sông Thái Bình xã Đ", như vậy, thực hiện chức năng quản lý hành chính nhà nước tại chính quyền địa phương, Chủ tịch UBND xã Đ ban hành Thông báo số 04/TB-UBND ngày 21/01/2019 là đúng thẩm quyền, được quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Điều 208 Luật đất đai.

[2.2] Về nội dung: Năm 2006, UBND xã Đ và ông Tiêu Văn Đ - chủ doanh nghiệp xây dựng Đ (DNTN) ký hợp đồng kinh tế số 03/2005/HĐ-KT ngày 20/3/2006, theo đó UBND xã Đ giao cho ông Đ đất bãi sông Thái Bình thuộc xã Đ, với diện tích là 35 mẫu Bắc bộ. Mục đích sử dụng: San gạt cây lúa; nuôi trồng thủy sản và sản xuất gạch bằng lò lung liên tục kiểu đứng công nghệ tiên tiến; khai thác đất làm gạch, thời hạn giao đất là 10 năm (từ 20/3/2006 đến hết ngày 20/3/2016). Ông Đ đã thanh toán toàn bộ giá trị hợp đồng, với số tiền 420.000.000đ (bốn trăm hai mươi triệu đồng) cho UBND xã Đ. Quá trình thực hiện hợp đồng ông đã khai thác đất làm gạch và năm 2009 mua cát san lấp của ông Nguyễn Văn D tổng là 250.000m<sup>3</sup> cát đen, đơn giá 33.000đ/m<sup>3</sup> thành tiền 8.250.000.000đ để làm sân phơi gạch và chân lò. Ngày 20/3/2016, UBND xã Đông Kỳ và ông Tiêu Văn Đ lập biên bản thanh lý hợp đồng số 03/2005/HĐ-KT ngày 20/3/2006, theo đó UBND xã Đ đề nghị ông Đ thực hiện san gạt, thu dọn tài sản trả lại mặt bằng trên diện tích đất bãi theo hợp đồng số 03/2005/HĐ-KT ngày 20/3/2006. Giữa ông Đ và UBND xã Đ, đại diện UBND huyện K cũng đã kiểm đếm tài sản của ông Tiêu Văn Đ - Chủ doanh nghiệp tư nhân Đ trong đó xác định khối lượng đất nguyên liệu làm gạch và cát lấp là tài sản của ông Đ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 713 Bộ luật dân sự thì "Khi hợp đồng thuê quyền sử dụng đất chấm dứt, người thuê quyền sử dụng đất phải khôi phục tình trạng đất như khi nhận đất, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác. Tài sản gắn liền với đất được giải quyết theo thỏa thuận của các bên". Như vậy giữa ông Tiêu Văn Đ và UBND xã Đ đã chấm dứt hợp đồng thuê quyền sử dụng đất bãi theo hợp đồng số 03/2005/HĐ-KT ngày 20/3/2006 nên toàn bộ tài sản trên phần đất bãi và các tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất ông Đ đã đấu thầu của UBND xã phải được hai bên xem xét thỏa thuận giải quyết theo nội dung hợp đồng và biên bản thanh lý hợp đồng hai bên đã ký kết theo quy định của pháp luật dân sự và các quy định của pháp luật khác có liên quan, trường hợp không thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền. Việc Chủ tịch UBND xã Đ ban hành Thông báo số 04/TB-UBND ngày 21/01/2019 nghiêm cấm các chủ thầu đất bến, bãi sông Thái Bình, các chủ lò gạch tự ý tổ chức khai thác đất, cát trên bãi sông Thái Bình là đúng và được ông Đ chấp hành, song trong thông báo số 04/TB-UBND có nội dung (*kể cả phần tài sản của chủ lò về đất cát đã được UBND huyện, xã kiểm đếm*) khi chưa được cấp có thẩm quyền huyện, tỉnh phê duyệt

là không đúng pháp luật, vi phạm quyền lợi hợp pháp của ông Đ. Hơn nữa, tại thông báo số 128/TB-VP ngày 19/8/2019 của UBND tỉnh Hải Dương đã chỉ rõ việc xử lý đối với các nội dung liên quan đến ông Tiêu Văn Đ gồm: Đối với những tài sản trên đất của ông Tiêu Văn Đ như lò gạch, gạch mộc, nhà xưởng, máy móc thiết bị để sản xuất gạch, nguyên vật liệu dư thừa, nếu ông Tiêu Văn Đ có nhu cầu vận chuyển đi nơi khác thì chính quyền địa phương tạo điều kiện cho ông Đ vận chuyển (có thời hạn cụ thể). Trường hợp ông Tiêu Văn Đ không vận chuyển tài sản trên thì thực hiện theo quyết định giải quyết của Tòa án nhân dân. Người đại diện hợp pháp của Chủ tịch UBND xã Đ xác định thông báo số 04/TB-UBND ngày 21/01/2019 như vậy là không đúng đối với phần đóng mở ngoặc tại mục 1.

[2.4] Đối với nội dung kháng nghị của Viện trưởng VKSND huyện Tứ Kỳ về việc áp dụng điều luật chưa chính xác và nội dung liên quan đến phần đất. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện VKSND tỉnh Hải Dương đã rút nội dung này nên HĐXX không xem xét.

[3] Từ nhận định, phân tích ở trên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện và kháng nghị của Viện trưởng VKSND huyện Tứ Kỳ, giữ nguyên bản án sơ thẩm, theo quy định tại khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị HĐXX không xem xét và có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của người bị kiện không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm hành chính theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

Bác kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 01/2019/HC-ST ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 31; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Điều 208 Luật đất đai; Điều 713 Bộ luật dân sự năm 2005.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Tiêu Văn Đ, xử hủy phần nội dung "kê cả phần tài sản của chủ lò về đất cát đã được UBND huyện, xã kiểm đếm" đối với ông Tiêu Văn Đ tại Thông báo số 04/TB-UBND ngày 21/01/2019 của Chủ tịch UBND xã Đ.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 348, 349 của Luật tố tụng hành chính; khoản 1, 2 Điều 32, khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Về án phí sơ thẩm: Chủ tịch UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm.

Trả lại ông Tiêu Văn Đ số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí ông đã nộp theo biên lai số AA/2017/ 0005019 ngày 05/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Về án phí phúc thẩm: Chủ tịch UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính phúc thẩm, được đối trừ với 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0005178 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hải Dương
- VKSND, TAND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THADS huyện Tứ Kỳ;
- UBND huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; lưu Tòa.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**NGUYỄN MINH TÂN**